

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG THỰC PHẨM APEC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG THỰC PHẨM APEC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APEC FOODS SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107711493

3. Ngày thành lập: 19/01/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 77, ngõ 349, phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 6275 4999

Fax: 04 6264 1666

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy sợi	0116
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
7.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
8.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
9.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
10.	Chăn nuôi khác	0149
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
15.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Vận tải đường ống	4940
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221

21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
27.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
30.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Dịch vụ đóng gói	8292
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
39.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
40.	Phá dỡ	4311
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
43.	Khai thác muối	0893
44.	Bưu chính	5310
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý;	4669
47.	Bán buôn tổng hợp	4690
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
51.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
52.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
53.	Khai thác thủy sản biển	0311
54.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
55.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
56.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
57.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
58.	Khai thác quặng sắt	0710
59.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
60.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
62.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
63.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
64.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
65.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
66.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
67.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
68.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
69.	Khai thác gỗ	0221
70.	Thu gom rác thải độc hại	3812
71.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
72.	Tái chế phế liệu	3830
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Bán buôn thực phẩm	4632
75.	Bán buôn đồ uống	4633
76.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

77.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
78.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
79.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
80.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
82.	Sản xuất giống thủy sản	0323
83.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
84.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
85.	Bán mô tô, xe máy	4541
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
87.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
88.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
89.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
90.	Khai thác và thu gom than non	0520
91.	Khai thác dầu thô	0610
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
93.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
94.	Trồng cây mía	0114
95.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
96.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
97.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
98.	Trồng cây hàng năm khác	0119
99.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
100.	Trồng cây lâu năm khác	0129
101.	Chăn nuôi lợn	0145
102.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa Trồng rừng và chăm sóc rừng khác	0210
103.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
104.	Xây dựng công trình công ích	4220
105.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
106.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

107.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
108.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
109.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
110.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
111.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
112.	Xây dựng nhà các loại	4100
113.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
115.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
116.	Chăn nuôi gia cầm	0146

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC VŨ	Số 45, ngõ 102 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	33,333	013104920	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	33,333		
2	NGUYỄN VĂN PHONG	Số 6, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	33,333	011902432	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	33,333		
3	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Số 8, ngõ 93, phố Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	33,333	011438244	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	33,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011902432

Ngày cấp: 20/08/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9, ngách 16, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội